

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001053

Trang : 1/2

Môn học: **Kỹ thuật điện tử (228255) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **03/11/2022**

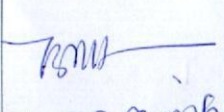
Giờ: **09:45**

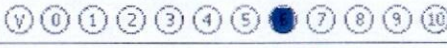
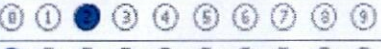
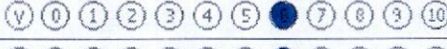
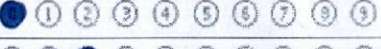
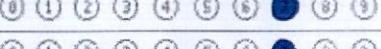
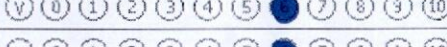
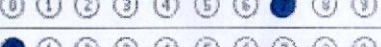
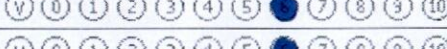
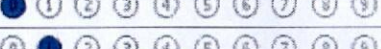
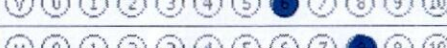
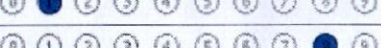
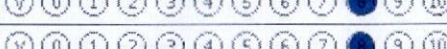
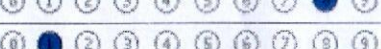
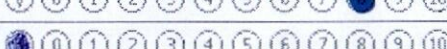
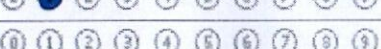
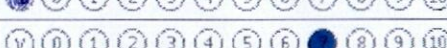
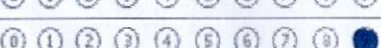
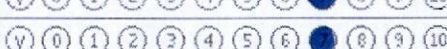
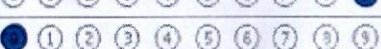
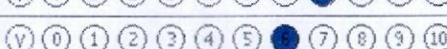
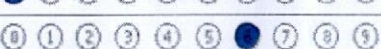
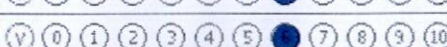
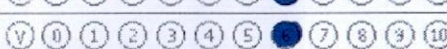
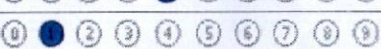
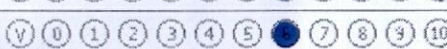
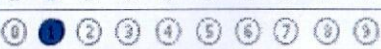
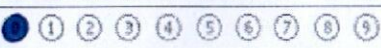
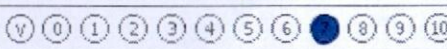
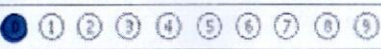
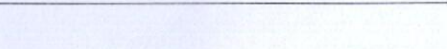
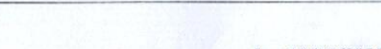
Phòng thi: **D3-15**

Số SV có mặt: **35**

Số bài thi: **25**

Số tờ giấy thi: **25**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Vu Thi Huong	 Pham T.T. Cam Nh	 N. Kim Bui Yen	 Ng. T. Kim Ngan

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122060024	NGUYỄN ĐÔNG BIN	05/10/2004	CCQ2206A		1		6,0	6,8	6,5		
2	2122060031	LÊ VINH BÌNH	06/09/2004	CCQ2206A		1		7,3	7,2	7,2		
3	2122060018	VÕ AN BÌNH	08/07/2004	CCQ2206A		1		6,0	6,0	6,0		
4	2122060022	NGÔ HOÀNG CHIẾN	23/05/2004	CCQ2206A		1		5,5	6,6	6,2		
5	2122060033	PHAN QUỐC DŨNG	26/02/2004	CCQ2206A		1		5,0	5,8	5,5		
6	2122060032	LƯƠNG QUỐC ĐẠT	15/10/2004	CCQ2206A		1		5,0	6,2	5,7		
7	2122060014	CAO HOÀNG HẢI	29/07/2004	CCQ2206A		1		6,0	7,2	6,7		
8	2122060030	NGUYỄN CÔNG HẬU	14/01/2003	CCQ2206A		1		5,0	6,6	6,0		
9	2122060013	TRƯƠNG HỒNG HIẾU	01/12/2004	CCQ2206A		1		5,0	6,8	6,1		
10	2122060007	NGUYỄN XUÂN HÓI	11/02/2000	CCQ2206A		1		7,3	9,8	8,8		
11	2122060004	TRẦN VIỆT HÙY	03/07/2004	CCQ2206A		1		7,7	8,4	8,1		
12	2122060041	NGUYỄN MINH KHÀI	10/04/2002	CCQ2206B				0,0				
13	2122060040	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	26/06/2004	CCQ2206B		1		8,3	7,6	7,9		
14	2122060021	NGUYỄN MINH KHOA	28/05/2004	CCQ2206A		1		6,0	7,6	7,0		
15	2122060026	TRẦN VĂN KIẾT	25/11/2004	CCQ2206A		1		5,0	7,6	6,6		
16	2122060010	CHÂU NGỌC LÂN	03/03/2004	CCQ2206A		1		6,0	6,6	6,4		
17	2122060028	NGUYỄN NGỌC LÂN	20/12/2004	CCQ2206A		1		5,7	6,4	6,1		
18	2122060016	VĂN TẤN LỘC	21/08/2004	CCQ2206A		1		5,0	6,8	6,1		
19	2122060038	HUỲNH TẤN LỢI	24/10/2004	CCQ2206B		1		5,5	4,6	5,0		
20	2122060009	NGUYỄN HOÀI NHÂN	25/02/2004	CCQ2206A		1		7,0	7,0	7,0		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 18/10/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001053

Trang : 2/2

Môn học: **Kỹ thuật điện tử (228255) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **03/11/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D3-15**

Số SV có mặt: **35/41**

Số bài thi: **35/41**

Số tờ giấy thi: **35/41**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Muony</i> Vũ Thị Hương	<i>hnh</i> Lương T. Cảnh	<i>luu</i> N. Kim Sơn	<i>ngm2</i> Ng. T. Kim Ngân

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122060015	LÊ VĂN NINH	02/01/2004	CCQ2206A		1	<i>Ninh</i>	5,0	7,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122060036	TRẦN VĂN PHÚ	26/05/2004	CCQ2206B		1	<i>Phu</i>	5,0	6,2	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122060019	THÁI NGỌC VŨ	24/08/2004	CCQ2206A		1	<i>Thai</i>	6,0	6,4	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122060001	LÊ VINH QUANG	20/01/2000	CCQ2206A		1	<i>Quang</i>	6,3	7,4	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122060002	NGUYỄN GIA QUYẾT	26/01/1999	CCQ2206A		1	<i>Quyết</i>	6,0	7,0	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122060025	BÙI THÀNH TÀI	02/06/2003	CCQ2206A		1	<i>Tai</i>	7,5	10	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122060027	LÊ MINH TÁNH	24/07/2004	CCQ2206A		1	<i>Tanh</i>	7,7	6,8	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122060029	NGÔ THỨC THÀNH	21/01/2004	CCQ2206A				5,0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122060042	TRẦN VĂN THẠNH	15/08/2004	CCQ2206B		1	<i>Thanh</i>	5,0	4,8	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122050073	PHAN HỮU THI	12/12/2004	CCQ2206B		1	<i>Thi</i>	6,7	7,2	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122060008	NGUYỄN TẤN THUẬN	09/10/2004	CCQ2206A		1	<i>Thuận</i>	7,0	6,8	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122060005	LÊ NGUYỄN QUANG TIẾN	26/04/2004	CCQ2206A		1	<i>Tien</i>	6,7	5,2	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122060039	NGUYỄN TẤN TÍN	25/03/2004	CCQ2206B				0,0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122060020	KIỀU ĐỨC TRÍ	01/05/2004	CCQ2206A		1	<i>Tri</i>	5,0	6,4	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122060034	TRẦN MINH TRUNG	05/06/2002	CCQ2206A		1	<i>Trung</i>	6,0	6,6	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122060035	NGUYỄN HUY TUẤN	01/01/2004	CCQ2206A		1	<i>Tuan</i>	6,0	6,4	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122060011	NGUYỄN THANH TUẤN	02/08/2004	CCQ2206A		1	<i>Tuan</i>	6,7	7,0	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122060012	VÕ THỊ THU UYÊN	29/09/2004	CCQ2206A		1	<i>Uyen</i>	6,7	7,2	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2122060006	NGUYỄN ANH VŨ	29/06/2004	CCQ2206A		1	<i>Vu</i>	5,0	6,2	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001054

Trang : 1/2

Môn học: **Kỹ thuật điện tử (228255) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **03/11/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D3-17**

Số SV có mặt: **36**.....

Số bài thi: **36**.....

Số tờ giấy thi: **36**.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>p.v. sm</i>	<i>J.T. Vn</i>	<i>N.KIM S.M</i>	<i>Ng. T. Kim Nguyen</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122060044	CHÂU HOÀI ANH	25/05/2004	CCQ2206B			<i>Châu</i>	5,0	6,8	6,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122060059	HÀ ĐỨC CANG	06/02/2004	CCQ2206B			<i>Cang</i>	5,0	5,4	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122060054	ĐỖ CÔNG DŨNG	14/02/2004	CCQ2206B			<i>Dung</i>	5,0	5,4	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122060070	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	06/07/2004	CCQ2206A			<i>Dương</i>	9,0	10	9,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122170257	NGÔ TẤN ĐẠT	28/10/2004	CCQ2206B			<i>Đạt</i>	5,0	9,2	7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121060045	NGUYỄN SỸ THÀNH ĐẠT	13/05/2003	CCQ2106B			<i>Đạt</i>	5,0	8,4	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122060048	NGUYỄN MINH HẢI	05/05/2004	CCQ2206B			<i>Hải</i>	5,0	6,6	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122060079	TRƯƠNG THIÊN HẬU	23/08/2004	CCQ2206B			<i>Hậu</i>	5,0	6,6	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122060066	NGUYỄN HỮU THẾ HIẾU	11/03/2004	CCQ2206B			<i>Hiếu</i>	6,5	6,6	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122140020	TRẦN MINH HIẾU	29/09/2004	CCQ2206A			<i>Hiếu</i>	6,5	6,2	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122060072	NGUYỄN CẢNH HOÀNG	16/10/2004	CCQ2206A			<i>Hoàng</i>	7,0	6,4	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122060057	NGUYỄN NHẤT HUY	06/03/2004	CCQ2206B			<i>Huy</i>	5,0	5,6	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122060067	PHẠM BÁ KHÂM	04/08/2004	CCQ2206B				6,5			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122060080	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	19/08/2004	CCQ2206B			<i>Khoa</i>	7,0	6,4	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122060065	TRỊNH BÁ KIẾT	12/05/2004	CCQ2206B			<i>Kiệt</i>	6,0	7,8	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122060068	NGUYỄN QUỐC LÂM	02/08/2004	CCQ2206B			<i>Lâm</i>	6,0	7,0	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122060049	VÕ PHƯỚC LẬP	21/03/2004	CCQ2206B			<i>Lập</i>	6,0	6,0	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122060063	NGUYỄN PHƯƠNG LÊ	11/03/2004	CCQ2206B			<i>Lê</i>	5,0	7,2	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122170227	THÁI LÊ DUY LỘC	05/08/2004	CCQ2206B			<i>Lộc</i>	5,0	6,2	5,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122060051	TRẦN NGỌC MINH	18/12/2003	CCQ2206B			<i>Minh</i>	5,0	5,6	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 18/10/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001054

Trang : 2/2

Môn học: **Kỹ thuật điện tử (228255) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **03/11/2022**

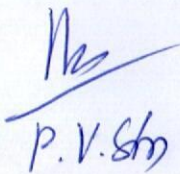
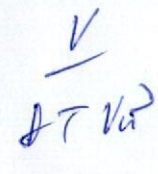
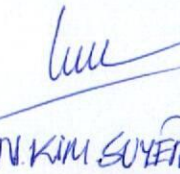
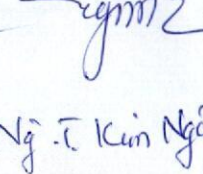
Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D3-17**

Số SV có mặt: 36.....

Số bài thi: 36.....

Số tờ giấy thi: 36.....

Cán bộ coi thi 1  P.V. Sơn	Cán bộ coi thi 2  DT Vũ	G.Viên chấm thi 1  N. KIM HUYỀN	G.Viên chấm thi 2  Ng. T. Kien Ngan
---	--	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122060062	PHAN VĂN NGUYỄN	16/06/2003	CCQ2206B			Nguyễn	7,7	6,2	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122060064	NGUYỄN TẤN PHƯỚC	22/09/2004	CCQ2206B			Phước	5,3	6,6	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122060045	BÙI ANH QUANG	05/05/2003	CCQ2206B			Quang	5,0	5,8	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122060047	NGUYỄN HUY QUYÊN	24/08/2004	CCQ2206B			Quyên	6,0	5,8	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122060076	NGUYỄN THANH SÁNG	25/05/2004	CCQ2206B			Sáng	5,0	5,8	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121060046	ĐOÀN VĂN THANH	15/11/2003	CCQ2106B			Thanh	5,0	8,2	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121060014	LÊ NGỌC THÀNH	04/10/2003	CCQ2106A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122060074	NGUYỄN BÁ THIÊN	29/06/2004	CCQ2206B				5,0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122060078	MÃ THANH THỊNH	19/12/2004	CCQ2206B			Thinh	5,0	7,4	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122060060	LƯƠNG THANH TIÊN	04/08/2004	CCQ2206B			Tiên	5,0	8,2	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122060053	TRẦN QUỐC TOÀN	10/05/2004	CCQ2206B			Toàn	5,0	7,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122060082	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	28/02/2004	CCQ2206A			Trâm	6,0	6,6	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122060050	TRẦN NGUYỄN NGỌC TRÍ	10/01/2004	CCQ2206B				0,0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122170099	NGUYỄN HỒNG TRUNG	01/12/2004	CCQ2206B			Trung	5,0	7,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122060056	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	10/08/2004	CCQ2206B			Đình	5,5	6,8	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122060077	NGUYỄN ĐỖ LAM TRƯỜNG	02/11/2004	CCQ2206B			Trường	5,0	6,8	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122060058	LÊ MINH TUẤN	29/04/2004	CCQ2206B			Tuấn	5,0	6,0	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122060055	LONG QUỐC VIÊN	17/06/2003	CCQ2206B			Viên	5,0	7,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2122060075	NGUYỄN TRẦN HOÀN VŨ	17/11/2003	CCQ2206A			Vũ	5,5	7,6	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2122110026	PHẠM ANH VŨ	19/09/2004	CCQ2206A			Vũ	5,0	7,2	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001055

Trang : 1/2

Môn học: **Kỹ thuật điện tử (228255) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **03/11/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D3-18**

Số SV có mặt: 33

Số bài thi: 33

Số tờ giấy thi: 33

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
		N. KIM EYEN	Ng. T. Kim Ngân

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150013	NGUYỄN QUỐC BẢO	29/05/2004	CCQ2215A			Bảo	5,0	6,6	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122150028	LÊ TẤN BẢNG	29/09/2004	CCQ2215A			Bảng	6,0	7,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122150002	TRƯƠNG THANH BÌNH	07/10/2003	CCQ2215A			Bình	8,5	6,2	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122150001	PHỤNG TẤN GIA CỐP	09/07/2004	CCQ2215A			Cốp	5,0	7,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122060017	VÕ HOÀNG DUY	01/10/2004	CCQ2215A			Duy	5,5	6,0	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122150027	LỮ PHAN THÀNH ĐẠT	12/02/2004	CCQ2215A			Đạt	5,0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122150026	HOÀNG NGUYỄN NHẬT ĐĂNG	09/08/2004	CCQ2215A			Đăng	5,0	5,6	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122150033	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	10/10/2004	CCQ2215A			Đoàn	0,0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122150034	NGUYỄN XUÂN GIÁP	16/12/2004	CCQ2215A			Giáp	7,7	5,8	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122150024	HUỲNH THANH HÀO	02/03/2004	CCQ2215A			Hào	6,0	7,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122150023	NGUYỄN QUỐC HOÀI	08/01/2004	CCQ2215A			Hoài	5,0	7,2	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122150021	HOÀNG VĂN HUẤN	06/06/2004	CCQ2215A			Huấn	7,3	6,6	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122150032	VI TUẤN HÙNG	21/03/2004	CCQ2215A			Hùng	7,0	7,2	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122150018	ĐINH VĂN HUY	27/02/2004	CCQ2215A			Huy	7,3	7,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122030206	PHẠM TUẤN KHANH	31/12/2004	CCQ2215A			Khánh	8,0	6,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122150020	TRẦN MINH KHÔI	30/07/2001	CCQ2215A			Khôi	5,0	7,2	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122150015	NGUYỄN HUỲNH MINH LÝ	12/04/2004	CCQ2215A			Lý	8,0	6,4	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122150004	PHAN VĂN LÝ	26/06/2004	CCQ2215A			Lý	5,0	7,2	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122150011	LÊ QUỐC MẠNH	16/01/2004	CCQ2215A			Mạnh	5,0	7,2	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122150022	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	01/03/2004	CCQ2215A			Mạnh	5,0	5,4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 18/10/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001055

Trang : 2/2

Môn học: **Kỹ thuật điện tử (228255) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **001**

Ngày thi: **03/11/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D3-18**

Số SV có mặt: **32**

Số bài thi: **33**

Số tờ giấy thi: **33**

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
			Ng. T. Kim Ngân

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150008	LÊ VĂN PHỤNG	25/11/2003	CCQ2215A				0,0	6,2	3,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122150017	TRẦN KHÁNH QUỐC	27/10/2004	CCQ2215A				8,7	5,6	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2122150005	TRẦN VĂN QUÝ	15/03/2004	CCQ2215A				3,0	5,6	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2122150029	CAO HUỲNH THÁI	20/07/2004	CCQ2215A				5,0	5,2	5,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2122150007	NGUYỄN MINH TÂM	27/10/2004	CCQ2215A				7,7	6,6	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2122150016	NGUYỄN XUÂN THỊNH	28/06/2004	CCQ2215A				9,0	4,8	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2122150025	PHAN NGỌC THÔNG	21/03/2004	CCQ2215A				5,0	7,0	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2122150006	NGUYỄN THÀNH TÍNH	20/04/2004	CCQ2215A				7,7	7,0	7,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2122150019	NGUYỄN MINH TRÍ	01/11/2003	CCQ2215A				5,0	5,6	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2122150009	PHẠM NGUYỄN HOÀI TRÍ	22/01/2004	CCQ2215A				8,3	6,2	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2122150030	HỒ QUANG TRUNG	28/10/2004	CCQ2215A				8,0	5,8	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2122150014	NGUYỄN VĂN TRUYỀN	25/10/2004	CCQ2215A				7,7	6,8	7,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2122150031	NGUYỄN MINH TRỰC	17/02/2004	CCQ2215A				5,0	5,6	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2122150012	NGUYỄN VĂN VÀNG	27/11/2004	CCQ2215A				5,0	6,8	6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2122150010	TRẦN NHƯ TUẤN	19/10/2003	CCQ2215A				7,3	6,4	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001056

Trang : 1/2

Môn học: **Kỹ thuật điện tử (228255) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **03/11/2022**

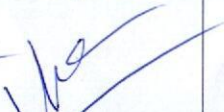
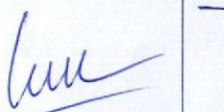
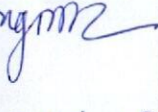
Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D2-12**

Số SV có mặt: **33**

Số bài thi: **33**

Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1  Đặng Hồng Thập	Cán bộ coi thi 2  Trần Tuấn Anh	G.Viên chấm thi 1  Trần Kim Sơn	G.Viên chấm thi 2  Ng. T. Kim Ngọc
--	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150047	HUỖNH VĂN BẢO	10/08/2004	CCQ2215B				5,0	5,8	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122150040	HUỖNH DUY BÌNH	08/10/2004	CCQ2215A				5,0	6,2	5,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122150068	NGÔ THANH ĐIỀU	14/08/2004	CCQ2215B				8,3	7,2	7,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122150069	HUỖNH HẢI DƯƠNG	27/10/2004	CCQ2215B				5,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122150052	TRẦN MINH DƯƠNG	20/04/2004	CCQ2215B				5,7	6,8	6,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122150049	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	25/04/2004	CCQ2215B				5,0	6,4	5,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122150053	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	27/04/2004	CCQ2215B				0,0	5,8	3,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122150046	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	10/11/2004	CCQ2215B				8,3	5,6	6,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122150065	NGUYỄN NGỌC HẢI	28/12/2004	CCQ2215B				7,0	7,4	7,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122150036	NGUYỄN KHẮC NAM HOÀNG	21/03/2004	CCQ2215A				0,0	7,0	4,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122150057	HUỖNH HUY HÙNG	17/08/2004	CCQ2215B				7,0	5,6	6,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122150061	PHẠM VĂN HÙNG	25/08/2004	CCQ2215B				7,7	5,6	6,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122150054	ĐẶNG QUANG HUY	08/04/2003	CCQ2215B				6,0	7,4	6,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122150060	NGUYỄN QUANG HUY	07/10/2004	CCQ2215B				8,0	6,2	6,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
15	2122150045	NGUYỄN TẤN HUY	24/01/2004	CCQ2215B				5,0	6,6	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122150043	GIÁ TẤN HUYỀN	17/06/2004	CCQ2215A				8,3	5,8	6,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122150063	TRƯƠNG GIA KIẾN	22/01/2004	CCQ2215B				2,0	5,2	3,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
18	2122150044	LA NGỌC LỄ	29/08/2004	CCQ2215B				5,0	6,2	5,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122150066	NGUYỄN THÀNH LONG	24/08/2004	CCQ2215B				5,0	4,6	4,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122150067	NGUYỄN ĐỨC LỘC	23/10/2004	CCQ2215B				8,0	5,4	6,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 18/10/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001056

Trang : 2/2

Môn học: **Kỹ thuật điện tử (228255) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **002**

Ngày thi: **03/11/2022**

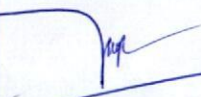
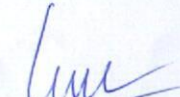
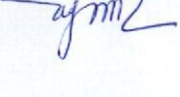
Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D2-12**

Số SV có mặt: **33**

Số bài thi: **33**

Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1  Đặng Hồng Hiệp	Cán bộ coi thi 2  V.T. Anh	G.Viên chấm thi 1  NGUYỄN SỰ	G.Viên chấm thi 2  Ng. T. Kim Ngân
--	--	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150101	NGUYỄN MINH LÝ	28/12/2003	CCQ2215A				5,0	7,6	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122150070	HOÀNG THẾ QUANG	22/08/2004	CCQ2215B				5,0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122150037	ĐỖ THẾ QUÂN	01/01/2004	CCQ2215A				5,0	6,2	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122150039	NGUYỄN ĐỨC QUÂN	18/05/2004	CCQ2215A				5,0	6,4	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122150058	ĐINH HỮU NGÔ	28/09/2004	CCQ2215B				5,0	7,2	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122150038	NGUYỄN TRÍ TÀI	07/02/2004	CCQ2215A				5,0	5,4	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122150059	NGUYỄN TẤN THÀNH	16/05/2004	CCQ2215B				6,0	5,0	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122150064	PHAN CHÍ THIÊN	21/11/2004	CCQ2215B				5,0	5,8	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122150035	HUỖNH VĂN THỊNH	28/09/2003	CCQ2215A				0,0	5,0	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122150048	NGUYỄN ANH THỊNH	10/12/2004	CCQ2215B				0,0	6,8	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122150055	HUỖNH THUẬN	18/09/2004	CCQ2215B				5,0	8,6	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122150062	BÙI NGUYỄN THIÊN TOÀN	02/09/2004	CCQ2215B				0,0	5,8	3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122150042	ĐẶNG CÔNG TRÌNH	26/04/2004	CCQ2215A				5,0	6,4	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122150051	HỒ ĐỨC TRỌNG	02/07/2004	CCQ2215B				5,0	7,8	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122150056	PHAN VĂN VI	06/11/2004	CCQ2215B				5,0	6,4	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001057

Trang : 1/2

Môn học: **Kỹ thuật điện tử (228255) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **003**

Ngày thi: **03/11/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D2-06**

Số SV có mặt: **32**

Số bài thi: **32**

Số tờ giấy thi: **32**

Cán bộ coi thi 1 <i>100</i> <i>Nguyễn Văn Phát</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Văn Minh</i> <i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn Tuấn</i> <i>NGUYỄN VĂN TUẤN</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Văn Tuấn</i> <i>Nguyễn Văn Tuấn</i>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150081	HUỖNH QUỐC BẢO	21/02/2004	CCQ2215B		1	<i>Bảo</i>	5,0	5,2	5,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122150078	LƯƠNG VĂN BÌNH	24/10/2004	CCQ2215B		1	<i>Bình</i>	5,0	6,4	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
3	2120060002	NGUYỄN THÀNH CHUNG	01/07/2002	CCQ2006A		1	<i>Chung</i>	7,3	7,4	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122150090	NGUYỄN VĂN CHƯƠng	17/04/2004	CCQ2215B		1	<i>Chung</i>	5,5	7,4	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122150080	NGUYỄN DUY CƯỜNG	21/04/2004	CCQ2215B		1	<i>Cường</i>	7,0	7,6	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122150082	NGUYỄN CÔNG DANH	09/11/2004	CCQ2215B				5,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122150077	NGUYỄN DUY ĐÔNG	15/07/2004	CCQ2215B		1	<i>Đông</i>	5,0	6,2	5,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2120060041	KHÊ VĂN HIỆP	14/04/2002	CCQ2006B			<i>Hiệp</i>	5,5	6,4	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122150075	TRẦN ĐÌNH HUY	30/03/2004	CCQ2215B		1	<i>Huy</i>	5,0	5,8	5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122150074	TRẦN QUANG HUY	27/08/2004	CCQ2215B			<i>Huy</i>	7,0	5,4	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122150098	TRẦN HOÀNG HƯNG	10/09/2003	CCQ2215B		1	<i>Hưng</i>	5,0	7,0	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122150099	PHAN VĂN KIẾT	23/05/2004	CCQ2215B		1	<i>Kiệt</i>	5,0	7,4	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122150100	VÕ THÀNH LONG	21/11/2004	CCQ2215B		1	<i>Long</i>	0,0	6,4	3,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
14	2122150083	LÊ ĐỨC LỘC	23/11/2004	CCQ2215B		1	<i>Lộc</i>	8,0	8,0	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122150089	TRƯƠNG CÔNG LÝ	28/09/2004	CCQ2215B		1	<i>Ly</i>	5,0	6,2	5,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122150094	VŨ VĂN MINH	20/08/2004	CCQ2215A		1	<i>Minh</i>	0,0	5,6	3,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122150093	NGUYỄN VĂN MƯỚP	27/08/2004	CCQ2215B		1	<i>Mướp</i>	8,0	7,0	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122150079	NGUYỄN TRẦN HOÀI NAM	22/02/2004	CCQ2215B		1	<i>Nam</i>	7,3	6,0	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122150072	TRẦN TRUNG NGUYỄN	20/07/2004	CCQ2215B		1	<i>Nguyễn</i>	5,0	6,6	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122170583	HUỖNH THÁI NHÃ	30/06/2004	CCQ2215A		1	<i>Thái</i>	5,0	5,8	5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 18/10/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 001057

Trang : 2/2

Môn học: **Kỹ thuật điện tử (228255) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK1, ĐỢT 1**

Tổ: **003**

Ngày thi: **03/11/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D2-06**

Số SV có mặt: **32**

Số bài thi: **39**

Số tờ giấy thi: **32**

Cán bộ coi thi 1 <i>Phúc</i> <i>Nguyễn Văn Phúc</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Kim Sơn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn T. Kim Ngân</i>
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150095	ĐOÀN GIA THIÊN PHÚC	20/08/2004	CCQ2215A		1	<i>Phúc</i>	5,0	6,4	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122150088	LÊ TIẾN QUÂN	17/11/2004	CCQ2215A		1	<i>Quân</i>	5,0	5,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122150087	NGUYỄN HIẾU QUÂN	08/10/2003	CCQ2215A		1	<i>Quân</i>	5,0	6,6	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120060017	DIỆP BẢO QUỐC	12/10/2002	CCQ2006A		1	<i>Quốc</i>	5,0	7,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122150091	TRẦN DANH QUỐC	29/11/2004	CCQ2215B		1	<i>Quốc</i>	6,0	7,0	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122150086	NGUYỄN VŨ HOÀI TẤN	11/06/2004	CCQ2215A		1	<i>Tấn</i>	5,0	10	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122150085	VÕ ĐỨC THỊNH	16/11/2004	CCQ2215B		1	<i>Thịnh</i>	6,0	7,2	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122150073	VŨ TRỌNG THUẬN	28/08/2004	CCQ2215B		1	<i>Thuận</i>	5,0	7,8	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120060053	PHẠM HẠ VÂN THÙY	17/05/2001	CCQ2006B		1	<i>Thùy</i>	8,5	7,8	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122150071	TÔ MINH TIẾN	30/05/2003	CCQ2215B				0,0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122150084	NGUYỄN TRỌNG TRI	21/09/2004	CCQ2215B		1	<i>Tri</i>	10	10	10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122150092	CHÂU THANH TRỌNG	22/08/2004	CCQ2215B		1	<i>Trọng</i>	6,7	8,0	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122150097	NGUYỄN BÙI NHẬT TRUNG	04/10/2004	CCQ2215B				7,3			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122150096	TÔ TUẤN VIỆT	14/10/2004	CCQ2215A		1	<i>Việt</i>	5,0	9,0	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122150076	PHAN VĂN NGỌC VINH	08/08/2004	CCQ2215B		1	<i>Vinh</i>	0,0	5,8	3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi